

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Hữu Thiện;
- Ông Vũ Hoà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hồng Tâm - Là Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, về: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Lại Hoàng A; sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Cao Quốc T, Văn phòng L và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Trần Thị R, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo nguyên đơn, ông Lại Hoàng A trình bày:***

Ông và bà Trần Thị R tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1980 (cụ thể là ngày 16/01/1980 âm lịch). Đám cưới được tổ chức bên gia đình vợ tại ấp P, xã P. Sau khi cưới, hai vợ chồng cất chòi ở tạm nhiều nơi. Đến

khoảng năm 1996 (khi cha ông bị bệnh), vợ chồng chuyển về sống chung với gia đình ông cho đến năm 1998 cha ông chết, vợ chồng tiếp tục sinh sống tại đây cho đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà R về nhà mẹ ruột chăm mẹ vợ bệnh gần 02 năm, bỏ ông có 01 mình, ngoài ra ông cũng nghi ngờ bà R không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên ông và bà R đã tự thỏa thuận ly hôn. Cụ thể, ngày 02/4/2022, ông và bà R lập văn bản thỏa thuận ly hôn và chia tài sản (Đơn đồng tình thỏa thuận ly hôn). Theo văn bản này thì ông chia cho bà R các tài sản gồm: 08 chỉ vàng 24K<sub>r</sub>, 100.000.000 đồng, 01 căn nhà tầng cấp 4 vợ chồng xây trên đất của mẹ ruột bà R tại ấp P, xã P (căn nhà hiện bà R đang sử dụng); 02 chiếc xe Honda trong đó 01 chiếc Dream và 01 chiếc Vision. Sau khi ông và bà R tự thỏa thuận ly hôn và chia tài sản theo nội dung “Đơn đồng tình thỏa thuận ly hôn” như đã nêu trên thì bà R nhận tài sản và chuyển về ấp P sinh sống cho đến nay.

Từ đó đến nay, ông và bà R chưa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì nghĩ rằng đã thỏa thuận xong vấn đề ly hôn và đã chia tài sản, không liên quan đến cuộc sống của nhau nữa. Tuy nhiên, nay ông có nhu cầu vay vốn ngân hàng, hồ sơ vay yêu cầu phải có quyết định ly hôn giữa ông và bà R, nên ông mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà R biết ông cần quyết định ly hôn nên ép phải giao tiền thì mới chịu ký biên bản thuận tình ly hôn. Từ năm 2022 đến nay, ông và bà R mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại, ông cũng không có tiền, chỉ có căn nhà và phần đất do cha mẹ ông chết để lại tại xã B, dự tính thế chấp để vay ngân hàng, nhưng bị vướng thủ tục. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà R. Đối với yêu cầu của bà R về việc buộc ông phải giao số tiền 400.000.000 đồng, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà R không có con chung, do ông bị vô sinh.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia xong nên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn Trần Thị R trình bày:*

Bà và ông Lại Hoàng A tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1980 (cụ thể là ngày 16/01/1980 âm lịch), bà nhớ ngày cưới vì năm đó bà vừa bước sang tuổi 17 (thực tế bà sinh năm 1963, nhưng khi làm giấy chứng minh khai hạ tuổi xuống thành sinh năm 1964) và đám cưới được tổ chức tại gia đình bà tại ấp P, xã P. Sau khi đám cưới, hai vợ chồng cất chòi ở tạm trên đất

của gia đình chồng. Đến khoảng năm 1986, vợ chồng chuyển về sống chung với cha chồng cho đến năm 1998 cha chồng chết, vợ chồng tiếp tục sinh sống tại đây cho đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Lại Hoàng A không chung thủy, có vợ nhỏ bên ngoài, nên vợ chồng mâu thuẫn, ông Hoàng A đuổi bà đi. Ngày 02/4/2022, bà và ông Lại Hoàng A lập văn bản thỏa thuận ly hôn (Đơn đồng tình thỏa thuận ly hôn), theo đó bà và ông Hoàng A tự thỏa thuận ly hôn và chia tài sản. Theo văn bản này thì ông Hoàng A chia cho bà các tài sản gồm: 08 chỉ vàng 24K<sub>r</sub>, 100.000.000 đồng, 01 căn nhà tầng cấp 4 xây trên đất của mẹ ruột tôi tại ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh ; 02 chiếc xe Honda trong đó 01 chiếc Dream và 01 chiếc Vision. Sau khi ký thỏa thuận ly hôn và phân chia tài sản thì bà chuyển về ấp P, xã P cho đến nay.

Nay ông Lại Hoàng A yêu cầu ly hôn, bà đồng ý nhưng với điều kiện là ông Hoàng A phải giao cho bà số tiền là 400.000.000 đồng để bà cất nhà và làm vốn làm ăn, trường hợp ông Hoàng A không đồng ý giao số tiền trên thì bà không đồng ý ly hôn. Bà không làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản trong vụ án này. Về yêu cầu ông Hoàng A giao số tiền như đã nêu ở trên là điều kiện để bà đồng ý ly hôn, không phải là yêu cầu phản tố.

Về con chung: Bà và ông Hoàng A sống chung mấy chục năm nhưng không có con chung, do ông Hoàng A bị vô sinh.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên tòa:

Ông Lại Hoàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và đồng ý hỗ trợ cho bà R số tiền 50.000.000 đồng với điều kiện bà R thuận tình ly hôn. Tuy nhiên phía bà R không đồng ý, theo bà R thì ông A phải giao cho bà số tiền 200.000.000 đồng thì bà mới ký giấy để ông A ly hôn.

Luật sư T phát biểu quan điểm: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà R và ông Hoàng A đã trầm trọng, ông bà không còn sống chung từ năm 2022 đến nay, tại phiên tòa bà R yêu cầu ông Hoàng A đưa cho bà 200 triệu đồng mới đồng ý ly hôn, đây không phải là tình cảm, hành động để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên kính đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Hoàng A và bà R ly hôn; Về con chung không có; nợ chung, tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện VKSND Huyện Dương Minh Châu phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Hoàng A, xử cho ông Lại Hoàng A được ly hôn bà Trần Thị R. Ghi nhận ông A và bà R không có con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu nhận định:

[1] Về hôn nhân:

Ông Lại Hoàng A và bà Trần Thị R tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đồng thời chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1980 (ngày 16/01/1980 âm lịch), nên theo quy định tại Mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, thì ông A và bà R thuộc trường hợp hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận kể từ ngày chung sống (16/01/1980 âm lịch).

Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Ngày 02/4/2022, ông A, bà R tự lập văn bản thỏa thuận ly hôn và phân chia tài sản chung, đồng thời sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông A cần quyết định ly hôn để bổ sung hồ sơ vay vốn Ngân hàng nên nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với bà R cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, nhưng yêu cầu ông A phải giao số tiền 200.000.000 đồng thì mới đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông A và bà R không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận cho ông A được ly hôn với bà R.

[2] Về nuôi con chung: Ông A và bà R không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về chia tài sản chung: Ông A, bà R đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vào ngày 02/4/2022. Nay ông A và bà R đều không có yêu cầu chia tài sản chung, đối với ý kiến của bà R về việc yêu cầu ông A phải giao số tiền 200.000.000 đồng chỉ là điều kiện bà R đưa ra để thuận tình ly hôn với ông A, không phải yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn, nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lại Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông A có đơn đề nghị miễn tiền án phí do là người cao tuổi, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử miễn ông A nộp tiền án phí.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ông Lại Hoàng A được ly hôn bà Trần Thị R.
2. Về án phí: Ông Lại Hoàng A được miễn nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. DMC;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Phương**

